

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 cấp ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: North-West Electric Investment And Development Joint Stock Company.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngư
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Số: 75/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được lập ngày 09/02/2026 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		86.209.269.049	31.904.410.396
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	68.942.186.036	18.633.948.064
1. Tiền	111		5.942.186.036	18.633.948.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.478.184.259	11.132.995.738
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.364.052.533	7.981.186.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		104.279.800	416.346.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.009.851.926	2.735.462.927
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.542.112.717	1.435.936.783
1. Hàng tồn kho	141		1.542.112.717	1.435.936.783
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		246.786.037	701.529.811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	246.786.037	701.529.811
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		589.175.181.248	637.590.792.899
II. Tài sản cố định	220		399.373.670.336	408.459.494.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	399.373.670.336	408.459.494.860
- Nguyên giá	222		610.101.783.739	605.504.198.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.728.113.403)	(197.044.703.771)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	182.916.324.379	219.450.183.537
1. Đầu tư vào Công ty con	251		109.900.000.000	109.900.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	130.679.860.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.809.860.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.793.535.621)	(21.129.676.463)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.885.186.533	9.681.114.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	6.885.186.533	9.681.114.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		675.384.450.297	669.495.203.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		171.210.996.751	182.041.585.954
I. Nợ ngắn hạn	310		96.656.596.751	75.452.945.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.869.854.383	4.688.240.167
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.113.656.127	3.217.929.190
4. Phải trả người lao động	314		1.738.564.261	1.412.437.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	195.707.710	220.985.221
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	67.592.508.439	46.841.071.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	17.500.000.000	17.229.020.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.646.305.831	1.843.262.051
II. Nợ dài hạn	330		74.554.400.000	106.588.640.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	74.554.400.000	106.588.640.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		504.173.453.546	487.453.617.341
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	504.173.453.546	487.453.617.341
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.627.999.001	79.908.162.796
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		58.825.809.016	52.163.036.792
- đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.802.189.985	27.745.126.004
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		675.384.450.297	669.495.203.295

Người lập



Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Ngu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	79.797.911.535	73.660.866.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		79.797.911.535	73.660.866.092
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.851.819.416	28.353.275.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		48.946.092.119	45.307.590.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.742.252.845	3.666.593.622
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.639.492.186	12.523.717.494
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.835.747.450	13.107.748.628
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.302.869.775	6.567.642.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		41.745.983.003	29.882.824.578
11. Thu nhập khác	31	6.6	500.000	44.037.550
12. Chi phí khác	32	6.6	29.884.461	647.060.268
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(29.384.461)	(603.022.718)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		41.716.598.542	29.279.801.860
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.914.408.557	1.534.675.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		37.802.189.985	27.745.126.004

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu





Trần Văn Ngự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.716.598.542	29.279.801.860
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		13.683.409.632	13.530.520.504
- Các khoản dự phòng	03		(3.336.140.842)	(896.716.472)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc tiền tệ	04		139.885.578	312.685.338
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.742.252.845)	(3.670.822.081)
- Chi phí lãi vay	06		7.835.747.450	13.107.748.628
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.297.247.515	51.663.217.777
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.056.601.534)	3.123.229.181
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(106.175.934)	44.905.821
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		530.884.447	(1.770.488.005)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.250.671.743	3.049.571.589
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.905.189.175)	(13.263.926.215)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.170.297.840)	(1.461.240.024)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.029.310.000)	(10.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.811.229.222	41.374.570.124
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.597.585.108)	(36.380.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	540.714.158
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.080.000.000)	(142.829.860.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		74.000.000.000	179.559.415.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.453.665.858	8.320.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		60.776.080.750	37.242.209.836
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.763.260.000)	(59.767.235.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.515.812.000)	(463.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(51.279.072.000)	(60.230.360.126)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		50.308.237.972	18.386.419.834
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.633.948.064	247.528.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	68.942.186.036	18.633.948.064

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: North-West Electric Investment And Development Joint Stock Company

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động tại ngày 31/12/2025 là 42 người (số lao động tại ngày 31/12/2024 là 41 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty con như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	151.271.709	3.366.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.790.914.327	18.630.581.306
Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)	63.000.000.000	-
Tổng	68.942.186.036	18.633.948.064

(*) Gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai với lãi suất 4,75%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	9.364.052.533	7.981.186.311
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.364.052.533	7.981.186.311
Tổng	9.364.052.533	7.981.186.311

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	6.009.851.926	-	2.735.462.927	-
Tạm ứng	5.807.922.543	-	1.823.981.958	-
Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	166.444.931	-	877.857.944	-
Phải thu khác	28.484.452	-	26.623.025	-
Tổng	6.009.851.926	-	2.735.462.927	-

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	374.661.278	-	390.706.043	-
Công cụ, dụng cụ	1.167.451.439	-	1.045.230.740	-
Tổng	1.542.112.717	-	1.435.936.783	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	246.786.037	701.529.811
Công cụ dụng cụ	3.553.424	-
Chi phí bảo hiểm công trình	155.457.611	198.854.715
Chi phí sửa chữa văn phòng	11.274.998	322.798.612
Chi phí chờ phân bổ khác	76.500.004	179.876.484
Dài hạn	6.885.186.533	9.681.114.502
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi)	659.765.465	774.507.281
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	3.743.469.414	4.704.580.817
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	535.626.037	1.222.900.988
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	-	443.351.260
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	118.742.554	194.308.414
Chi phí chờ phân bổ khác	1.827.583.063	2.341.465.742
Tổng	7.131.972.570	10.382.644.313

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	417.381.286.143	185.971.467.533	1.179.740.000	971.704.955	605.504.198.631
Tăng trong năm	3.041.012.381	34.100.000	1.522.472.727	-	4.597.585.108
Mua trong năm	-	34.100.000	1.522.472.727	-	1.556.572.727
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.041.012.381	-	-	-	3.041.012.381
Số dư tại 31/12/2025	420.422.298.524	186.005.567.533	2.702.212.727	971.704.955	610.101.783.739
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	130.988.414.326	64.347.246.980	737.337.510	971.704.955	197.044.703.771
Tăng trong năm	9.064.069.061	4.200.689.957	418.650.614	-	13.683.409.632
Khấu hao trong năm	9.064.069.061	4.200.689.957	418.650.614	-	13.683.409.632
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	140.052.483.387	68.547.936.937	1.155.988.124	971.704.955	210.728.113.403
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	286.392.871.817	121.624.220.553	442.402.490	-	408.459.494.860
Tại 31/12/2025	280.369.815.137	117.457.630.596	1.546.224.603	-	399.373.670.336

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 394.869.175.120 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 408.459.494.860 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 9.948.592.191 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 9.064.292.191 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	-	-
Tại 31/12/2025	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 360.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một,
tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	99,91%	99,91%	109.900.000.000	(17.793.535.621)	109.900.000.000	(21.129.676.463)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)			-	-	130.679.860.000	-
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình (2)			-	-	76.729.860.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác					53.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)	18,40%	18,40%	90.809.860.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường (3)	11,00%	11,00%	76.729.860.000	-	-	-
			14.080.000.000	-	-	-
Tổng			200.709.860.000 (*)	(17.793.535.621)	240.579.860.000 (*)	(21.129.676.463)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một,
tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (1) Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tăng vốn điều lệ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 30% xuống 18,4%. Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Tại ngày 31/12/2025 việc chuyển nhượng chưa hoàn thành, Công ty đang sở hữu 3.690.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc.
- (2) Chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý tại ngày 27/02/2025.
- (3) Bao gồm các giao dịch:
 - Nhận chuyển nhượng 150.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,875% vốn điều lệ từ Ông Phạm Viết Cường với giá trị chuyển nhượng là 2.400.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
 - Nhận chuyển nhượng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 2,5% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Xuân Phương với giá trị chuyển nhượng là 3.200.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
 - Nhận chuyển nhượng 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 3,5% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Văn Sơn với giá trị chuyển nhượng là 4.480.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
 - Nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,25% vốn điều lệ từ bà Nghiêm Thị Hân với giá trị chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
 - Nhận chuyển nhượng 150.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,875% vốn điều lệ từ bà Trần Hoài Nam với giá trị chuyển nhượng là 2.400.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.869.854.383	4.869.854.383	4.688.240.167	4.688.240.167
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141
Swiss Carbon Assets Ltd	1.774.169.774	1.774.169.774	1.718.611.362	1.718.611.362
Phải trả người bán khác	402.830.302	402.830.302	361.101.664	361.101.664
Tổng	4.869.854.383	4.869.854.383	4.688.240.167	4.688.240.167

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141
Tổng	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	3.217.929.190	22.656.109.909	22.760.382.972	3.113.656.127
Thuế giá trị gia tăng	486.624.665	6.443.500.271	6.332.894.224	597.230.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.534.675.856	3.914.408.557	4.170.297.840	1.278.786.573
Thuế thu nhập cá nhân	338.325.370	929.284.861	1.195.287.242	72.322.989
Thuế tài nguyên	301.401.335	7.861.297.392	7.764.306.614	398.392.113
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	556.901.964	3.482.221.528	3.294.597.052	744.526.440
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.397.300	3.000.000	22.397.300

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Thuê kênh trắng Viettel	-	13.636.364
Lãi vay phải trả	56.766.881	126.208.606
Chi phí trích trước khác	138.940.829	81.140.251
Tổng	195.707.710	220.985.221

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Ngắn hạn	67.592.508.439	46.841.071.877
Kinh phí công đoàn	348.780.606	381.832.044
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	62.729.000.000	42.679.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	3.477.352.000	2.743.164.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.037.375.833	1.037.075.833
Tổng	67.592.508.439	46.841.071.877

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021, 2022 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

(**) Khoản đặt cọc của Ông Trần Văn Huyền về việc ông Trần Văn Huyền nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Trường Đại Lộc. Theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo, ông Huyền sẽ chịu lãi chậm thanh toán trên giá trị chưa thanh toán theo Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 Bản Pá Công, xã Huồi Một,
 tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị				Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	17.500.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	17.229.020.000	17.229.020.000	17.229.020.000
a.1) Vay dài hạn đến hạn trả	17.500.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	17.229.020.000	17.229.020.000	17.229.020.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	9.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	5.620.000.000	5.620.000.000	5.620.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	5.620.000.000	5.620.000.000	5.620.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	3.880.000.000	3.880.000.000	3.880.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	3.880.000.000	3.880.000.000	3.880.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS	-	-	-	1.108.000.000	1.108.000.000	1.108.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một,
tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	74.554.400.000	74.554.400.000	-	32.034.240.000	106.588.640.000	106.588.640.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	24.937.000.000	24.937.000.000	-	13.940.000.000	38.877.000.000	38.877.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	15.187.515.000	15.187.515.000	-	8.470.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	15.187.515.000	15.187.515.000	-	8.470.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	9.749.485.000	9.749.485.000	-	5.470.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	9.749.485.000	9.749.485.000	-	5.470.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	49.617.400.000	49.617.400.000	-	18.000.000.000	67.617.400.000	67.617.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	24.306.000.000	24.306.000.000	-	10.220.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	24.306.000.000	24.306.000.000	-	10.220.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	25.311.400.000	25.311.400.000	-	7.780.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	25.311.400.000	25.311.400.000	-	7.780.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	94.240.000	94.240.000	94.240.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-	-	94.240.000	94.240.000	94.240.000
Tổng	92.054.400.000	92.054.400.000	17.500.000.000	49.263.260.000	123.817.660.000	123.817.660.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó, phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi

- (2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:
- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sọi;
 - Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sọi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sọi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	52.163.036.792	459.708.491.337
Lãi trong năm trước	-	-	27.745.126.004	27.745.126.004
Số dư tại 31/12/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	79.908.162.796	487.453.617.341
Số dư tại 01/01/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	79.908.162.796	487.453.617.341
Lãi trong năm nay	-	-	37.802.189.985	37.802.189.985
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(832.353.780)	(832.353.780)
Chia cổ tức (*)	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	96.627.999.001	504.173.453.546

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND và trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023 số tiền 20.250.000.000 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Trần Văn Ngư	139.378.500.000	139.378.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng	63.170.000.000	63.170.000.000
Các cổ đông khác	202.451.500.000	202.451.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	20.250.000.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	79.797.911.535	73.660.866.092
Tổng	79.797.911.535	73.660.866.092

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn điện thương phẩm	30.851.819.416	28.353.275.227
Tổng	30.851.819.416	28.353.275.227

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	1.155.243.938	8.320.678
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.780.415.000
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	3.587.008.907	877.857.944
Tổng	4.742.252.845	3.666.593.622

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	7.835.747.450	13.107.748.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	139.885.578	312.685.338
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	(3.336.140.842)	(896.716.472)
Tổng	4.639.492.186	12.523.717.494

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.302.869.775	6.567.642.415
Chi phí nhân viên quản lý	3.520.873.327	3.949.133.187
Chi phí vật liệu quản lý	708.827.143	194.956.795
Chi phí đồ dùng văn phòng	729.085.605	389.794.344
Chi phí khấu hao TSCĐ	427.824.510	299.554.646
Thuế phí và lệ phí	83.579.371	60.057.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.000.180.215	1.098.473.032
Chi phí bằng tiền khác	832.499.604	575.672.777
Tổng	7.302.869.775	6.567.642.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	4.228.459
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	-	39.809.091
Thu nhập khác	500.000	-
Tổng	500.000	44.037.550
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm, truy thu thuế	20.403.277	346.000.456
Ứng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	-	300.000.000
Chi phí khác	9.481.184	1.059.812
Tổng	29.884.461	647.060.268
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(29.384.461)	(603.022.718)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	41.716.598.542	29.279.801.860
Các khoản điều chỉnh tăng	20.403.277	646.000.456
Chi phí không được trừ	20.403.277	646.000.456
Các khoản điều chỉnh giảm	22.252.423.035	22.252.423.035
Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang	22.252.423.035	22.252.423.035
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	19.484.578.784	7.673.379.281
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ Hoạt động kinh doanh thông thường	3.896.915.757	1.534.675.856
Truy thu thuế TNDN năm trước	17.492.800	-
Tổng cộng	3.914.408.557	1.534.675.856

(*) Là phần Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.767.925.689	1.383.781.496
Chi phí nhân công	13.290.945.679	12.159.975.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.683.409.632	13.530.520.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.184.791.200	6.544.691.680
Chi phí khác bằng tiền	2.227.616.991	1.301.948.488
Tổng	38.154.689.191	34.920.917.642

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Tại ngày 31/12/2025, các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển An Khánh Hưng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	Thu nhập	3.558.382.229	2.919.763.927

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị		1.182.205.341	994.441.457
Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch HĐQT	633.864.085	306.948.667
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	476.341.256	233.902.000
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	48.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	216.531.409
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	207.059.381
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	30.000.000
Ban Tổng Giám đốc		936.342.271	595.440.306
Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc	484.838.589	239.902.000
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	451.503.682	231.682.735
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	-	123.855.571
Ban Kiểm soát		989.694.571	785.109.257
Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban	392.829.282	206.363.559
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	111.311.090	-
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên	461.554.199	241.598.286
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	30.000.000
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	214.807.412
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	62.340.000
Người quản lý khác		450.140.046	544.772.907
Ông Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	450.140.046	128.072.044
Ông Phạm Văn Thoả	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024 và miễn nhiệm ngày 02/11/2024)	-	282.482.863
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	-	134.218.000
Tổng		3.558.382.229	2.919.763.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin khác

➤ **Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu và trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.670.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 56.700.000.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50:7 (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 50:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, mỗi cổ đông sở hữu 50 quyền sẽ nhận thêm 07 cổ phần);
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng.

Công ty đang tạm dừng thực hiện đợt phát hành theo Công văn số 4981/UBCK-QLCB ngày 05/09/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc dừng xử lý tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 27/8/2025 phê duyệt tạm dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 để triển khai vào thời điểm khác phù hợp hơn.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự